

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Đức

Bà Nông Thị Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2020/TLST - HNGĐ ngày 19/11/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thăng L, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 5, khu phố PhA, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/11/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Trần Thăng L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lộc, huyện Bình Long (nay là Ủy ban nhân dân phường An Lộc) thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/5/1997, kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, bà và ông L đã sống ly thân với nhau 05 năm nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình chung sống, bà và ông L có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009 và Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001. Ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà không có mang thai.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thăng L. Bà yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001, đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Trần Thăng L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Thăng L vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021, ông L trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lộc, huyện Bình Long (nay là Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã Bình Long) tỉnh Bình Phước vào ngày 16/5/1997, kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông và bà Nguyễn Thị H đã sống ly thân với nhau 05 năm nay. Ông thống nhất ông và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009 và Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001. Ngoài ra không có nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà Nguyễn Thị H không có mang thai.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ và các con. Trong trường hợp, Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị H mâu thuẫn trầm trọng và giải quyết cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông thì ông đồng ý để bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009. Đối với con chung tên Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung ông và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn ông Trần Thăng L. Sau khi ly hôn, bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về án phí bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (Sau đây gọi tắt là bà H) khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Thăng L (Sau đây gọi tắt là ông L) theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do bị đơn ông L hiện đang cư trú tại tổ 5, khu phố Phú An, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long. Quá trình giải quyết vụ án, ông L có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lộc, huyện Bình Long nay là Ủy ban nhân dân phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 16/5/1997. Việc kết hôn của bà H và ông L là đúng theo quy định tại Điều 9 và không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông L đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân với nhau 5 năm không ai quan tâm đến ai. Ngày 22/01/2021, Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của bà H và ông L tại khu phố Phú An (là nơi cư trú của bà H và ông L) được cung cấp thông tin sau: “*Quá trình chung sống, bà H, ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, hiện tại bà H và ông L không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai*”. Nội dung biên bản xác minh trên hoàn toàn phù hợp với lời trình

bày của bà H, ông L trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của bà H tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông L nên không hòa giải đoàn tụ được. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các hậu quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L trở nên trầm trọng, bà H và ông L đã sống ly thân với nhau thời gian dài (5 năm) nhưng không hàn gắn được do tình cảm vợ chồng không còn do đó đời sống vợ chồng giữa bà H và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L.

[4] *Về con chung*: Bà H và ông L có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009 và Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001. Bà H yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 25/01/2021, ông L trình bày “Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H Ly hôn với ông thì ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng”. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu Ng có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được sống cùng với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn. Xét thấy: Cháu Ng là nữ, đang trong độ tuổi phát triển tâm, sinh lý và cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, đồng thời ông L cũng đồng ý giao cháu Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định phát triển tâm, sinh lý và đảm bảo nguyện vọng của cháu Ng cần giao cháu Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Trần Thị Hồng Nh hiện nay đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, bà H không có yêu cầu gì và trong quá trình giải quyết vụ án ông L cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết và quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*” “*Đối với tranh chấp về hôn nhân, gia đình án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng*”. Do đó, nguyên đơn bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Sau khi ly hôn bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về án phí bà H phải chịu là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 được ly hôn với ông Trần Thăng L, sinh năm 1969.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 13/4/2009, bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thăng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

Đối với con chung tên Trần Thị Hồng Nh, sinh ngày 14/02/2001 đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về giải quyết tranh chấp ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Hồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001642 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Ông Trần Thăng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND P An Lộc, Tx Bình Long, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Đức